TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày: 18-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Hương;

Bà Trần Thị Thúy Phượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Thành Tú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST- HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh S (tên gọi khác: S C), sinh năm 1984 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị C; Vợ: Thạch Thị Thanh L, sinh năm 1984 (đã ly hôn); Con: 02 người, lớn sinh năm 2005, Y sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/10/2003 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ra Quyết định số 2092/QĐCTT đưa vào Cơ sở giáo dục 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản, Ngày 26/4/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 09 năm tù theo bản án số 27/2006/HSST ngày 26/4/2006 về tội Cướp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/9/2020 cho đến nay. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Văn A, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Lê Thị E, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

1. Anh Lê Khai V, sinh năm 2003 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người giám hộ cho anh Lê Khai V là bà Mai Thị Q, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Hà Văn P, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Nguyễn Văn Hùng Y, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 28/8/2020 bị cáo Nguyễn Minh S cùng với anh Hà Văn P, anh Lê Khai V, đến nhà anh Nguyễn Văn Hùng Y để chơi. Tại đây, bị cáo S cùng với P và V rủ nhau cùng sử dụng ma túy thì tất cả đồng ý. Sau đó, P đưa cho bị cáo số tiền 150.000 đồng, V đưa cho bị cáo số tiền 50.000 đồng để góp tiền vào mua ma túy về cùng sử dụng. Sau khi nhận được tiền từ anh P và anh V, bị cáo S góp số tiền 700.000 đồng nhưng anh P và anh V không biết tiền của bị cáo S góp vào là bao nhiêu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo S một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70H5 - 2061 đến huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, để tìm người mua ma túy, còn anh P, anh V thì ở lại nhà anh Hùng Y đợi bị cáo S mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực gần bãi rác Trà Ôn thuộc ấp Giồng Thanh Bạch, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thì bị cáo S gặp một người thanh niên tự xưng tên Lùn (bị can S không rõ họ tên thật và địa chỉ cụ thể) và thỏa thuận mua ma túy của Lùn, thì Lùn đồng ý bán 03 (ba) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn màu trắng là ma túy đá cho bị cáo S, mỗi túi ma túy có giá là 300.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo S phải trả cho Lùn là 900.000 đồng, bị cáo S giao tiền cho Lùn và nhận 03 (ba) túi ma túy, rồi cất giấu tại mặt trong khẩu trang y tế đang mang trên người và điều khiển xe mô tô về đến nhà anh Hùng Y, tất cả vào nhà trước của anh Hùng Y để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo S đi ra nhà sau của anh Hùng Y lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy mang vào, lúc này, bị cáo S lấy ra túi nhựa thứ nhất được hàn kín hai đầu, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn màu trắng là phần tiền góp vào của P 150.000 đồng, V 50.000 đồng, của bị cáo S là 100.000 đồng và túi nhựa thứ hai được hàn kín hai đầu, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn màu trắng (được thu giữ niêm phong ký hiệu A3) là tiền của riêng bị cáo S mua 300.000 đồng để trên nền gạch khi nào bị cáo S đồng ý cho sử dụng túi ma túy này thì tất cả mới được sử dụng. Còn lại túi nhựa thứ ba được hàn kín hai đầu,

bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn màu trắng (được thu giữ niêm phong ký hiệu A2) bị cáo S vẫn cất giấu tại mặt trong khẩu trang của bị cáo S để trên giường ngủ cạnh chỗ bị cáo S đang ngồi là tiền của bị cáo S mua với giá 300.000 đồng. Riêng Hùng Y không có góp tiền vào mua ma túy nhưng được cùng sử dụng, lúc này P mới cắt túi ma túy thứ nhất có phần tiền góp vào của bị cáo S, anh P và anh V cho vào bộ dụng cụ để tất cả cùng sử dụng, riêng đối với túi ma túy thứ hai còn lại là của cá nhân bị cáo S được để trên nền gạch cạnh nơi sử dụng khi nào bị can S đồng ý cho sử dụng thì tất cả mới được sử dụng.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 28/8/2020 lực lượng Công an huyện Cầu kiểm tra, phát hiện bị cáo S cùng với Hùng Y, P, V, có hành vi sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản .

Về vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè thu giữ: 01 (một) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn, màu trắng nghi là chất ma túy có kích thước 1,9cm x 1cm. 01 (một) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn, màu trắng nghi là chất ma túy có kích thước 2,3cm x 1cm. 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 02 (hai) bật lửa, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu vàng đồng, nhãn hiệu XIAOMI, mặt sau của điện thoại có dòng chữ ANDROIDONE và MI đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều chỗ, không kiểm tra bộ phận bên trong và 01 (một) xe mô tô màu xanh loại Wave, biển kiểm soát 70H5-2061; số máy 1P53FMH10365687; số khung 3XCHH71A011083, đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều chỗ không kiểm tra bộ phận bên trong. Hiện tất cả vật chứng được tiến hành nhập kho vật chứng theo đúng quy định.

Ngày 29/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè ra Quyết định trưng cầu giám định đối với 01 (một) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn, màu trắng nghi là ma túy được niêm phong ký hiệu A2 và 01 (một) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn, màu trắng nghi là ma túy được niêm phong ký hiệu A3.

Tại Bản kết luận giám định số 338/KLGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh kết luận:

"- Gói 01: Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong trong gói niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy; Loại: Methamphetamine; Khối lượng: 0,0916 gam.

- Gói 02: Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong trong gói niêm phong ký hiệu A3 gửi giám định là ma túy; Loại: Methamphetamine; Khối lượng: 0,0700 gam".

Như vậy, tổng khối lượng ma túy bị cáo Nguyễn Minh S tàng trữ trái phép vào ngày 28/8/2020 là: 0,1616 gam. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với bị cáo Nguyễn Minh S cho đến nay.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS-HS ngày 17/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh S về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không bổ sung hay khiếu nại về nội dung Cáo trạng.

Đối với anh Hà Văn P, Lê Khai V đã khai nhận có góp tiền với bị cáo S để bị cáo S đi mua một túi ma túy về cùng sử dụng hết, nên không thu giữ được để giám định, còn túi ma túy bị thu giữ niêm phong ký hiệu A3 là của bị cáo S, do P nén ra ngoài để phi tang. Từ đó không đủ cơ sở xử lý đối với P và V về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Kè đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Đối với anh Nguyễn Văn Hùng Y không có góp tiền nhưng cho bị cáo S và P, V và Hùng Y cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy trong nhà nhằm để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, không có thu lợi từ việc cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy nên không bị xử lý về hành vi Chứa chấp hoặc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Kè đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Đối với người thanh niên tên Lùn mà bị cáo S khai bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Kè đã xác minh nhưng chưa truy tìm được, khi nào truy tìm được sẽ xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 70H5-2061 qua xác minh là của anh Bùi VănA mua của một người không quen biết tại xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long từ cuối năm 2019 về sử dụng (chưa làm thủ tục S tên, đổi chủ). Sau đó,A cho lại chị ruột của mình là Lê Thị E quản lý, sử dụng. Ngày 28/8/2020 bị cáo S mượn xe mô tô 70H5 - 2061 từ chị E làm phương tiện đi lại (bị cáo S và chị E sống với nhau như vợ chồng), anhA và chị E không biết mục đích của bị cáo S mượn xe mô tô trên đi mua ma túy tàng trữ, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S từ 12 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28/8/2020. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Minh S nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Minh S: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định, biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ ngày 28/8/2020, tại nhà anh Nguyễn Văn Hùng Y bị cáo S cùng với P và V rủ nhau cùng sử dụng ma túy. P đưa ra số tiền 150.000 đồng, V đưa ra số tiền 50.000 đồng cho bị cáo S và bị cáo S góp số tiền 700.000 đồng để mua ma túy về cùng sử dụng. Sau khi mua được 03 túi ma túy đá với giá 900.000 đồng thì bị cáo S mang về nhà anh Hùng Y cùng với P, V và Hùng Y sử dụng một túi là phần tiền góp vào của P 150.000 đồng, V 50.000 đồng, của bị cáo S là 100.000 đồng, số ma túy còn lại bị cáo S cất giữ khi nào bị cáo S cho phép thì tất cả mới được sử dụng. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 28/8/2020 thì bị lực lượng Công an huyện Cầu Kè kiểm tra, phát hiện thu giữ: Gói 1: Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong trong gói niêm phong ký hiệu A2 qua giám định là ma túy loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,0916 gam; Gói 02: Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong trong gói niêm phong ký hiệu A3 qua giám định là ma túy loại: Methamphetamine; Khối lượng: 0,0700 gam. Như vậy, tổng khối lượng ma túy bị can Nguyễn Minh S tàng trữ trái phép vào ngày 28/8/2020 là: 0,1616 gam. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Minh S đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của cáo trang và của Kiểm sát viên là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo S, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch nên đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè tiếp tục, điều tra xử lý sau.

[2] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý, sử dụng độc quyền của Nhà

nước về các chất ma túy. Ma túy là hiểm họa của toàn xã hội. Hành vi của bị cáo không chỉ làm hao mòn, tổn hại cho sức khỏe của chính bản thân mình mà còn là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự xã hội địa phương nơi bị cáo gây án, làm cho quần chúng nhân dân không an V lao động sản xuất, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh, đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như bày trừ các tệ nạn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu đã một lần bị đưa vào Cơ sở giáo dục về tội Trộm cắp tài sản, một lần bị xét xử về tội cướp tài sản, nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật; Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo thành một công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng chống tội phạm về ma túy cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh S cũng cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thì bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn, màu trắng (*qua giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0916 gam*) được niêm phong trong túi niêm phong số 338/MA2; 01 (một) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn, màu trắng *(qua giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0700 gam*) được niêm phong trong túi niêm phong số 338/MA3; 01 bộ sử dụng ma túy gồm: 01 bình thủy tinh trên nắm bình có gắn một ống nhựa màu vàng được quấn băng keo màu đen, một ống thủy tinh; 01 bật lửa màu trắng trên đầu có gắn một đoạn ống kim loại; 01 bật lửa màu trắng trên bật lửa có dòng chữ "Hoa Việt made in Việt Nam" đã qua sử dụng. Đây là số ma túy còn lại sau khi đã giám định và các vật dụng dùng để phục vụ cho việc sử dụng ma túy do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tiêu hủy toàn bộ số vật chứng nêu trên.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 70H5.2061; số máy 1P53FMH10365687; số khung 3XCHH71A011083, đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều chỗ không kiểm tra bộ phận bên trong là của anh Bùi VănA mua của một người không quen biết (chưa làm thủ tục S tên, đổi chủ). Sau đó,A cho lại chị ruột của mình là Lê Thị E quản lý, sử dụng. Ngày 28/8/2020, bị cáo mượn chị E xe mô tô trên để sử dụng thì bị bắt, anhA và chị E không biết mục đích của bị cáo S mượn xe mô tô trên đi mua ma túy tang trữ, sử dụng. Do vậy, cần trả lại chiếc xe trên cho chị Lê Thị E.

- 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu vàng đồng, nhãn hiệu XIAOMI, mặt sau của điện thoại có dòng chữ ANDROIDONE và MI đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều chỗ, không kiểm tra bộ phận bên trong, xét thấy không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh S.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Minh S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/8/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng gồm:

01 (một) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn, màu trắng (*qua giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0916 gam*) được niêm phong trong túi niêm phong số 338/MA2; 01 (một) túi nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể dạng rắn, màu trắng *(qua giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0700 gam*) được niêm phong trong túi niêm phong số 338/MA3; 01 bình thủy tinh trên nắm bình có gắn một ống nhựa màu vàng được quấn băng keo màu đen, một ống thủy tinh; 01 bật lửa màu trắng trên đầu có gắn một đoạn ống kim loại; 01 bật lửa màu trắng trên bật lửa có dòng chữ "Hoa Việt made in Việt Nam" đã qua sử dụng.

Tuyên trả lại cho chị Lê Thị E 01 xe mô tô biển kiểm soát 70H5 – 2061; số máy 1P53FMH10365687; số khung 3XCHH71A011083, đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều chỗ không kiểm tra bộ phận bên trong; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh S 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu vàng

đồng, nhãn hiệu XIAOMI, mặt sau của điện thoại có dòng chữ ANDROIDONE và MI đã qua sử dụng, bị trầy xước nhiều chỗ, không kiểm tra bộ phận bên trong.

Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Minh S nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chí Công